

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 5 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	07
3. Diễn biến giá	10
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	13
1. Sản xuất	13
2. Xuất khẩu	13
3. Diễn biến giá	15
4. Tình hình nhập khẩu	16
Phần III: Dự báo	18
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	19
Phần V: Chính sách	21
Phụ lục	22

Viết tắt, giải nghĩa

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật Philippines

Bulog: Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc

FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ

KAFTC: Tập đoàn Thương mại Thực phẩm và Thủy sản Nhà nước Hàn Quốc

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

REAP: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Pakistan

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Trong báo cáo tháng 6, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 ở mức kỷ lục 527,6 triệu tấn (xay xát), trong khi tiêu là 526,4 triệu tấn. Như vậy, thế giới sẽ chuyển từ thâm hụt sang thặng dư 1,2 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025.
- Bộ Nông nghiệp Ấn Độ ước tính sản lượng lúa gạo niên vụ 2023-2024 của nước này đạt 136,7 triệu tấn, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ 2022-2023. Tuy mức độ tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng sản lượng nhìn chung vẫn tăng dù Chính phủ hạn chế xuất khẩu gạo trong nhiều tháng qua.
- Theo Bộ Thương mại Thái Lan, trong 5 tháng đầu năm, quốc gia Đông Nam Á này đã xuất khẩu 4,6 triệu tấn gạo với trị giá khoảng 2,9 tỷ USD, tăng 32,2% về lượng và 64,6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.
- Tính đến ngày 6/6, nhập khẩu gạo của Philippines đạt gần 2,2 triệu tấn, tăng 32,3% so với mức 1,64 triệu tấn của 5 tháng đầu năm 2023. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung lớn nhất, chiếm 73,4% thị phần.
- Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) đã công bố kết quả mở thầu tháng 5 cho thấy trong tổng số 150.000 tấn gạo trúng thầu có 90.000 tấn đến từ các doanh nghiệp Việt Nam, số còn lại đến từ Pakistan và Myanmar. Giá trúng thầu của Việt Nam nhất trong số các nước, thậm chí thấp hơn cả giá xuất khẩu trên thị trường thế giới.
- Tính đến giữa tháng 6, giá gạo 5% tấm của Việt Nam đang thấp nhất trong số các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới, kém 55 USD/tấn so với gạo Thái Lan và 10 USD/tấn so với Pakistan.
- 5 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt kỷ lục 4,02 triệu tấn với trị giá thu về 2,56 tỷ USD, tăng 11,2% về lượng và tăng tới 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực châu Á, dẫn đầu là Philippines, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc...
- Tại thị trường trong nước, giá lúa gạo đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 8/2023. Theo đó, giá lúa đã giảm hơn 900 đồng/kg so với tháng trước, xuống còn 7.089 – 8.575 đồng/kg vào ngày 6/6.
- CTCP Tập đoàn Lộc Trời cho biết đã trúng thầu 100.000 tấn gạo cung ứng cho Cơ quan Hậu cần Nhà nước Indonesia (Perum Bulog). Công ty này cho rằng mức giá của đơn hàng trên phản ánh tình hình thị trường lúa gạo hiện tại, đúng phẩm cấp chất lượng gạo theo yêu cầu, có tính thời điểm và không làm ảnh hưởng tới các đợt đấu thầu tiếp theo cũng như giá xuất khẩu.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



Giá gạo 5% tấm của Việt Nam đang thấp nhất trong số các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới, kém 55 USD/tấn so với gạo Thái và 10 USD/tấn so với Pakistan.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 6, USDA dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 ở mức kỷ lục 527,6 triệu tấn (xay sát), tăng 7,6 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024.

Trong đó, Trung Quốc chiếm gần 28% sản lượng thế giới với 146 triệu tấn, tăng 1,4 triệu tấn so với niên vụ trước.

Tiếp đến, sản lượng của Ấn Độ và Pakistan cùng tăng 1 triệu tấn lên mức kỷ lục 138 triệu tấn và 38 triệu tấn. Ngoài ra, sản lượng gạo của Indonesia trong niên vụ 2024-2025 dự kiến tăng 980.000 tấn lên 34 triệu tấn, Pakistan tăng 500.000 tấn lên 9,5 triệu tấn, Brazil tăng 500.000 tấn lên 7,5 triệu tấn.

Việc mở rộng sản xuất được thúc đẩy bởi giá gạo cao và mực nước trong các hồ chứa cùng thời tiết dự kiến trở lại bình thường ở hầu hết các khu vực sản xuất sau khi trải qua gió mùa Tây Nam thất thường vào năm 2023 ở Nam Á và khô hạn El Niño ở Đông Nam Á trong niên vụ 2023-2024.

Trong khi đó, diện tích giảm ở Nhật Bản và Hàn Quốc là do các chính sách dài hạn của

Chính phủ mỗi nước nhằm thu hẹp diện tích sản xuất lúa gạo do nhu cầu tiêu thụ giảm, chủ yếu là do dân số già hóa và suy giảm. Diện tích dự kiến giảm của Ai Cập dựa trên việc thực thi chặt chẽ hơn các giới hạn diện tích trồng lúa để tiết kiệm nước sử dụng.

Như vậy, tổng nguồn cung gạo toàn cầu (sản lượng và tồn kho đầu kỳ) trong niên vụ 2024-2025 được dự báo ở mức kỷ lục 704,4 triệu tấn, tăng 5,2 triệu tấn so với niên vụ trước và là mức tăng đầu tiên kể từ niên vụ 2021-2022.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 được USDA dự báo đạt kỷ lục 526,4 triệu tấn, tăng 3,8 triệu tấn so với niên vụ trước, nhưng thấp hơn 1,2 triệu tấn so với sản lượng.

Ấn Độ chiếm phần lớn mức tăng trong tiêu thụ toàn cầu trong niên vụ 2024-2025, tăng 2,5 triệu tấn so với niên vụ trước lên mức kỷ lục 120 triệu tấn. Sự gia tăng mạnh mẽ này được thúc đẩy bởi kỳ vọng rằng hệ thống phân phối công cộng của Chính phủ Ấn Độ, nơi cung cấp ngũ cốc lương thực được trợ cấp cho khoảng 800 triệu công dân để đảm bảo an ninh lương thực, sẽ tiếp tục trong năm 2024-2025 với nguồn cung gạo lớn hơn.

Tại Philippines, tiêu thụ được dự báo đạt mức kỷ lục 17,4 triệu tấn, tăng 600.000 tấn so với vụ trước, do dân số tăng và mức sử dụng bình quân đầu người cao hơn.

Tiêu thụ tại Bangladesh cũng được dự báo đạt mức cao kỷ lục 38 triệu tấn, tăng 400.000 tấn.

Ngược lại, tiêu thụ gạo của Trung Quốc trong niên vụ 2024-2025 dự báo sẽ giảm trong năm thứ ba liên tiếp, với mức giảm 3,2 triệu tấn xuống còn 145 triệu tấn. Chủ yếu là do việc sử dụng gạo làm thức ăn chăn nuôi giảm trong bối cảnh giá gạo cao và nguồn cung ngô dồi dào.

c. Tồn kho

Theo USDA, lượng tồn kho gạo cuối kỳ toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 dự báo đạt gần 177 triệu tấn, tăng 1,9 triệu tấn so với vụ trước và là mức tăng đầu tiên kể từ niên vụ 2020 - 2021 (**Biểu đồ 1**).

Trong đó, Trung Quốc chiếm phần lớn mức tăng dự kiến trong tồn kho gạo toàn cầu niên vụ 2024-2025. Tồn kho của nước này dự kiến tăng 1 triệu tấn lên 104 triệu tấn, đánh dấu mức tăng đầu tiên kể từ vụ 2019-2020. Dự báo

này dựa trên một vụ mùa lớn hơn và nhu cầu sử dụng trong nước giảm đáng kể.

Tương tự, tồn kho cuối niên vụ 2024-2025 của Ấn Độ dự kiến ở mức 38,5 triệu tấn, không đổi so với năm trước, do một vụ mùa kỷ lục và lượng tồn kho lớn hơn đã bù đắp cho lượng sử dụng trong nước tăng cao và xuất khẩu cải thiện.

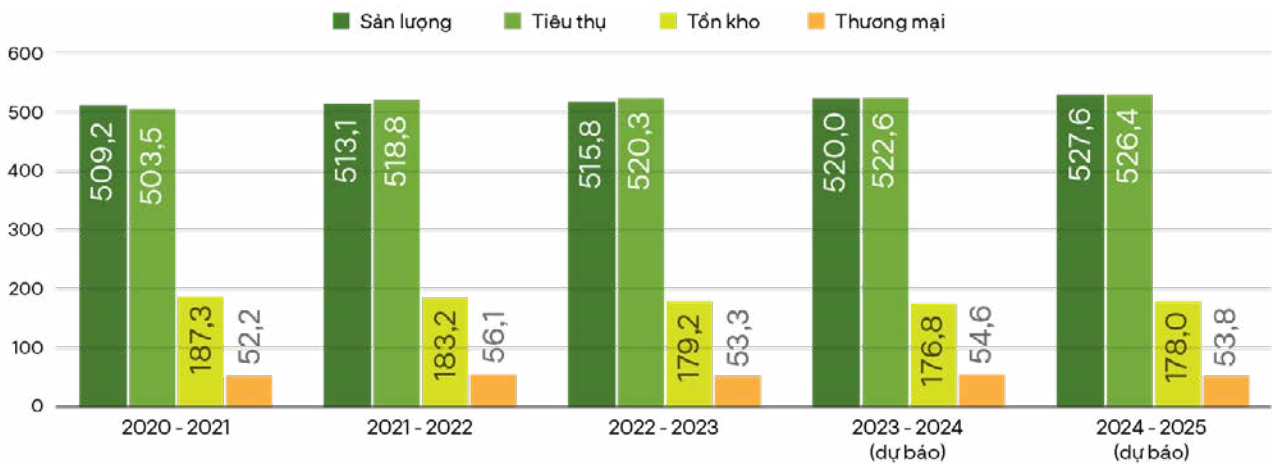
Trong niên vụ 2024-2025, Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau chiếm gần 80% lượng dự trữ cuối kỳ toàn cầu.

d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2025 dự báo đạt 53,8 triệu tấn, tăng 794.000 tấn so với năm 2024 nhưng vẫn thấp hơn mức kỷ lục 56,8 triệu tấn của năm 2022 (**Biểu đồ 2**).

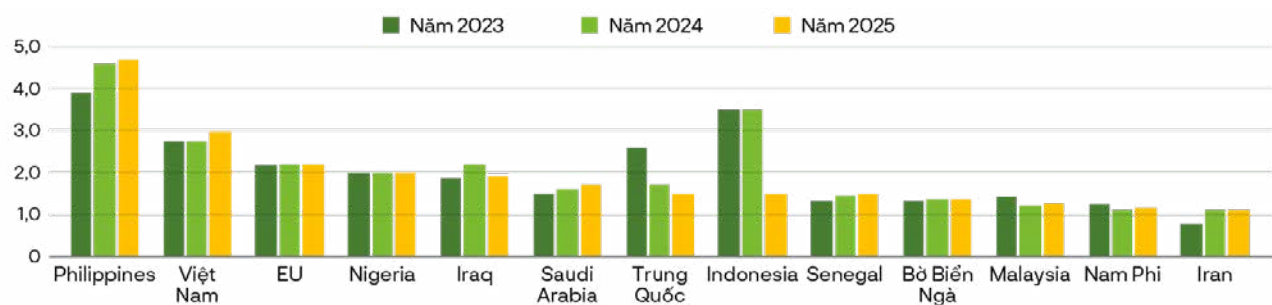
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2020 - 2021 đến 2024 - 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



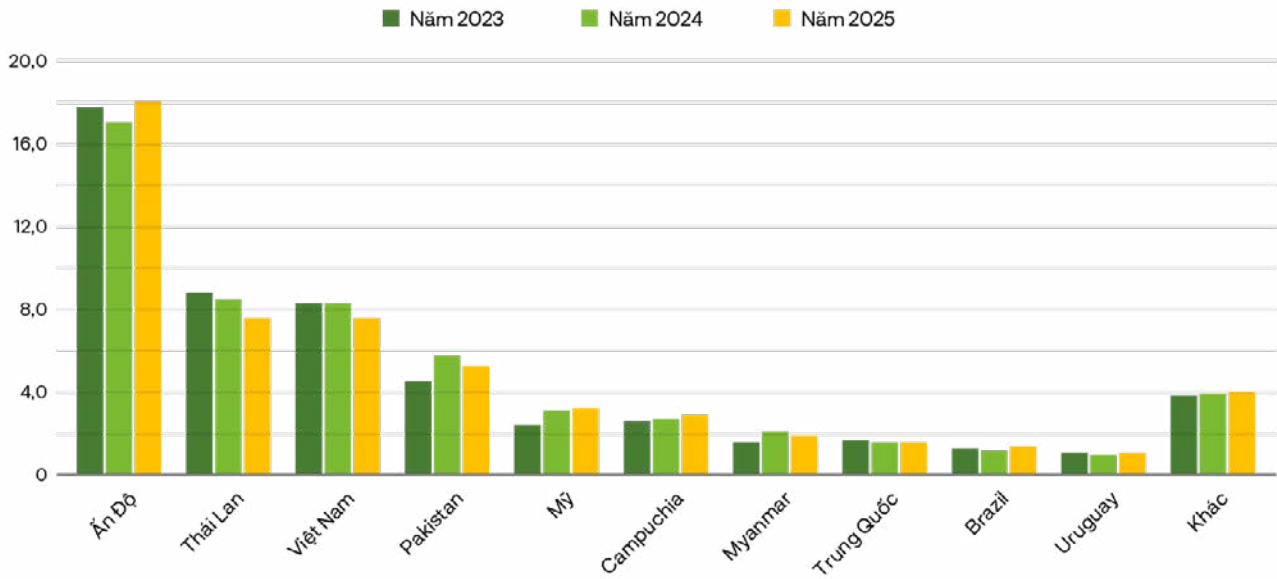
Biểu đồ 2: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024 - 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 3: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Thương mại gạo toàn cầu yếu hơn sau năm 2022 phần lớn là do lệnh cấm và hạn chế xuất khẩu của Ấn Độ được thực hiện vào tháng 9/2022 và vào tháng 7 và tháng 8/2023 làm giảm nguồn cung xuất khẩu và đẩy giá gạo toàn cầu tăng. Một số nhà xuất khẩu lớn đã đẩy mạnh xuất khẩu trong năm 2023 và 2024 để bù đắp lượng hàng sụt giảm của Ấn Độ.

Năm 2025, nhập khẩu gạo dự kiến đạt mức cao kỷ lục tại Philippines, Saudi Arabia, Mỹ và Việt Nam. Tăng trưởng nhập khẩu mạnh mẽ ở các quốc gia này phần lớn là do mức tiêu thụ kỷ lục ở mỗi quốc gia.

Philippines dự kiến tiếp tục là nhà nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới trong năm 2025 với khối lượng đạt 4,7 triệu tấn, tăng từ mức 4,6 triệu tấn của năm 2024 và mức 3,9 triệu tấn năm 2023.

Ngược lại, nhập khẩu của Indonesia dự kiến sẽ giảm 2 triệu tấn xuống còn 1,5 triệu tấn do nguồn cung tăng trở lại.

Xuất khẩu gạo năm 2025 dự kiến tăng tại Argentina, Brazil, Campuchia, EU, Ấn Độ,

Paraguay, Mỹ và Uruguay, chủ yếu là do nguồn cung lớn hơn và giá giao dịch toàn cầu tiếp tục ở mức cao.

Xuất khẩu của Ấn Độ dự kiến sẽ tăng mạnh nhất, tăng 1 triệu tấn lên 18 triệu tấn, chiếm một phần ba thương mại toàn cầu (**Biểu đồ 3**).

Tuy nhiên, Thái Lan, Việt Nam và Pakistan dự kiến sẽ xuất khẩu ít gạo hơn vào năm 2025, chủ yếu là do nguồn cung thắt chặt hơn. Theo đó, xuất khẩu của Thái Lan dự báo giảm 1 triệu tấn xuống còn 7,5 triệu tấn; Việt Nam giảm 800.000 tấn xuống 7,5 triệu tấn; Pakistan giảm 500.000 tấn, đạt 5,2 triệu tấn...

Ngoài ra, USDA đã nâng dự báo thương mại gạo toàn cầu năm 2024 lên mức 54,6 triệu tấn, tăng 1,3 triệu tấn so với năm 2023. Xuất khẩu tăng tại Myanmar, Campuchia, Guyana, Pakistan và Mỹ sẽ bù đắp nhiều hơn cho sự sụt giảm từ Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Paraguay, Thái Lan, Uruguay và Việt Nam.


Trong đó, Pakistan dự kiến sẽ có mức tăng xuất khẩu lớn nhất, tăng 1,2 triệu tấn lên mức kỷ lục 5,7 triệu tấn.

Ngược lại, xuất khẩu của Ấn Độ năm 2024 dự kiến sẽ giảm 733.000 tấn xuống còn 17 triệu tấn, chủ yếu do lệnh cấm và hạn chế xuất khẩu.

Về nhập khẩu năm 2024, lượng nhập khẩu dự kiến tăng đáng kể tại Philippines, Iraq, Senegal, Iran, Brazil, Kenya... nhưng đồng thời giảm tại Trung Quốc, Malaysia, Nam Phi, Ghana...

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ trong tháng 4 đạt 878.467 tấn, giảm 38,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, lượng gạo basmati xuất khẩu đạt 499.298 tấn, tăng 17,3%.

Thehindubusinessline đưa tin, tính đến ngày 1/6, dự trữ lúa mì do của Tập đoàn Thực phẩm Ấn Độ (FCI) đã giảm 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 29,9 triệu tấn. Tuy nhiên, dự trữ gạo tăng 21,8% lên mức 50,46 triệu tấn.


Bất chấp sự sụt giảm trong sản xuất gạo ở một số bang, hoạt động thu mua trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 5 năm tài khóa 2023-2024 đã vượt quá 50 triệu tấn. Tổng dự trữ ngũ cốc (gạo, lúa mì và ngũ cốc thô) trong kho của FCI hiện ở mức 80,76 triệu tấn, tăng 10,3% so với một năm trước.

Còn theo ước tính ban đầu của Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, sản lượng lúa gạo niên vụ 2023-2024 có xu hướng tăng nhẹ. Tổng sản lượng gạo xay xát ước đạt 136,7 triệu tấn, tăng 1% so với mức hơn 135,7 triệu tấn của cùng kỳ 2022-2023. Tuy mức độ tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng sản lượng

nhìn chung vẫn tăng dù Chính phủ hạn chế xuất khẩu gạo trong nhiều tháng qua.


Tổng sản lượng ngũ cốc Ấn Độ theo đó ước đạt 328,85 triệu tấn, giảm nhẹ so với mức 329,69 triệu tấn năm trước đó. Tuy nhiên, con số này cao hơn đến 21,1 triệu tấn so với mức bình quân 307,75 triệu tấn trong năm năm qua (2018-2019 – 2022-2023).

Với lượng gạo dư thừa lớn và dự báo lượng mưa 'trên mức bình thường' có thể sẽ thúc đẩy gieo trồng lúa trong vụ Kharif, chính phủ Ấn Độ có thể xem xét dỡ bỏ các hạn chế đối với xuất khẩu gạo áp đặt vào năm ngoái, theo *Financial Express*.

 **Thái Lan:** Theo Bộ Thương mại Thái Lan, trong 5 tháng đầu năm, quốc gia Đông Nam Á này đã xuất khẩu 4,6 triệu tấn gạo với trị giá 106,3 tỷ Baht (khoảng 2,9 tỷ USD), tăng 32,2% về lượng và 64,6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Đà tăng trưởng này là do đồng Baht yếu, khiến giá gạo Thái Lan có tính cạnh tranh cao trên thị trường toàn cầu, trong khi Ấn Độ, nhà cung cấp lớn nhất thế giới, tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát xuất khẩu gạo.

Các thị trường trọng điểm của gạo Thái Lan bao gồm Indonesia, Iraq, Mỹ, Philippines và Nam Phi. Với kết quả này, xuất khẩu gạo của Thái Lan dự kiến sẽ vượt mục tiêu ban đầu là 7,5 triệu tấn đặt ra cho năm 2024.


 **Pakistan:** Pakistan đứng thứ 9 trên thế giới về sản xuất gạo nhưng nước này lại giữ vị trí thứ 4 về xuất khẩu sau Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam.

Dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Pakistan (PBS) cho thấy, xuất khẩu gạo của nước này đã vượt mốc 5 triệu tấn trong 10 tháng đầu năm tài

khóa 2023-2024 (từ tháng 7 đến tháng 4), thu về 3,3 tỷ USD, tăng 55,6% về lượng và 80% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, xuất khẩu gạo basmati đạt 612.086 tấn, trị giá 699,208 triệu USD, tăng 25,7% về lượng và 34% về trị giá. Đáng chú ý, gạo non basmati đạt 4,47 triệu tấn, trị giá gần 2,6 tỷ USD, tăng 60,8% về lượng và gần gấp đôi về trị giá.

Với kết quả này, xuất khẩu gạo của Pakistan có thể chạm mốc 5,8 triệu tấn trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6, chủ yếu là do thời tiết thuận lợi, nguồn cung dồi dào vào nông nghiệp sẵn có và lệnh cấm của Ấn Độ đối với gạo Non-Basmati.

 **Campuchia:** Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã xuất khẩu 302.592 tấn gạo trong 5 tháng đầu năm, với trị giá 219 triệu USD, tăng 8,7% về lượng và 14% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo đó, gạo Campuchia đã được vận chuyển đến 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới thông qua 48 nhà xuất khẩu.


Trung Quốc là nước nhập khẩu gạo lớn nhất của Campuchia trong 5 tháng đầu năm với 73.322 tấn, trị giá 46 triệu USD. Tiếp đến, 26 quốc gia trong Liên minh châu Âu đạt 136.528 tấn, trị giá tổng cộng 104 triệu USD; 7 nước ASEAN là 65.412 tấn, trị giá 46 triệu USD và các thị trường khác là 27.330 tấn, trị giá 22,9 triệu USD.

Các loại gạo xuất khẩu rất đa dạng, bao gồm gạo thơm, gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ, cùng nhiều loại khác. Trong đó, gạo thơm chiếm khoảng 71% tổng xuất khẩu.

Cùng với đó, Campuchia cũng đã xuất khẩu

2,44 triệu tấn lúa trị giá 710 triệu USD sang các nước láng giềng, theo *Khmertimeskh*.

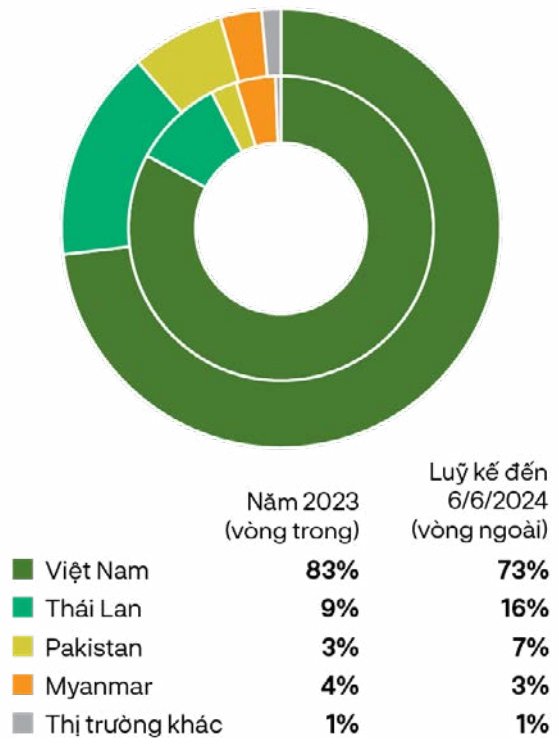
b. Nhập khẩu

 **Philippines:** Theo Cục Công nghiệp Thực vật (BPI), nhập khẩu gạo của Philippines tính từ đầu năm đến ngày 6/6 đạt gần 2,2 triệu tấn, tăng 32,3% so với mức nhập khẩu 1,64 triệu tấn trong 5 tháng đầu năm 2023.

Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung gạo lớn nhất của Philippines với khối lượng đạt 1,6 triệu tấn, chiếm 73,4% trong tổng lượng gạo nhập khẩu của nước này. Đứng thứ hai là Thái Lan đạt 338.671 tấn, tiếp theo là Pakistan đạt 148.619 tấn, Myanmar đạt 66.120 tấn. Phần còn lại nhập khẩu từ Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Campuchia, Italia và Tây Ban Nha (**Biểu đồ 4**).


Biểu đồ 4: Cơ cấu các thị trường xuất khẩu gạo vào Philippines năm 2023 và lũy kế đến 6/6/2024

Đơn vị: % tính theo khối lượng. Nguồn: Tổng hợp từ BPI.




Năm 2023, tổng lượng gạo nhập khẩu của Philippines đạt 3,6 triệu tấn, giảm 5,9% so với mức kỷ lục 3,8 triệu tấn của năm 2022. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), dự báo năm 2024, Philippines nhập khẩu khoảng 4,6 triệu tấn gạo và tiếp tục là nhà nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Chính phủ Philippines mới đây đã thông qua việc giảm thuế nhập khẩu gạo xuống 15% đối với cả gạo trong và ngoài hạn ngạch từ mức 35% cho đến năm 2028.

 **Trung Quốc:** Theo Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu gạo của nước này trong tháng 4 đạt 180.000 tấn, tăng gấp đôi so với tháng trước nhưng giảm 50,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, tổng lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc là 490.000 tấn, giảm mạnh 64,2% so với cùng kỳ năm 2023. Chủ yếu là do ảnh hưởng bởi các hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ và thời tiết El Niño cùng các yếu tố khác, giá gạo quốc tế tăng 40% vào năm 2023.

Chính phủ Trung Quốc mới đây đã công bố chính sách bảo hiểm toàn bộ chi phí cho cây lúa và thu nhập trồng lúa. Thông báo chung của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và nông thôn và Cục Giám sát Tài chính Trung Quốc, cho biết sẽ thực hiện chính sách này trên toàn quốc nhằm tăng cường bảo vệ bảo hiểm nông nghiệp, ổn định thu nhập của người nông dân, tạo điều kiện phát triển khu vực nông thôn và cải thiện an ninh lương thực. Chính phủ cũng công bố chính sách bảo hiểm cho cây ngô và lúa mì, theo *Reuters*.

 **Indonesia:** Ngày 22/5 vừa qua, Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) đã công bố kết quả mở thầu tháng 5 cho thấy trong tổng số 150.000 tấn gạo

trúng thầu có 90.000 tấn đến từ các doanh nghiệp Việt Nam, số còn lại đến từ Pakistan và Myanmar.


Giá trúng thầu của doanh nghiệp Việt Nam ở mức 563 - 564,5 USD/tấn, thấp hơn nhiều so với giá trúng thầu lên tới 621,5 - 629 USD/tấn của Pakistan và Myanmar. Đồng thời thấp hơn 22,5 - 24 USD/tấn so với giá xuất khẩu của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

Thái Lan không trúng thầu do đưa ra mức giá chào thầu cao, lên đến 649 - 658,5 USD/tấn.

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Trung ương Indonesia (BPS), nhập khẩu gạo của Indonesia trong 4 tháng đầu năm đạt 1,8 triệu tấn, tăng gấp 3 lần so với 600,3 nghìn tấn của cùng kỳ năm ngoái. Giá trị nhập khẩu cũng tăng 284,61% lên 1,17 tỷ USD so với mức 304,78 triệu USD trước đó.

Riêng trong tháng 4, lượng gạo nhập khẩu đạt 370,3 nghìn tấn, tăng 318,2% so với 88,4 nghìn tấn của cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, so với con số 567,2 nghìn tấn của tháng 3 thì nhập khẩu gạo tháng 4 đã giảm 34,7%.

Phần lớn gạo nhập khẩu của Indonesia từ tháng 1 đến tháng 4 đến từ Thái Lan với khối lượng 764,6 nghìn tấn, tiếp theo là Việt Nam đạt 505,67 nghìn tấn, Pakistan 298,56 nghìn tấn và Ấn Độ 231,69 nghìn tấn. Phần còn lại 15,27 nghìn tấn đến từ các nước khác.

 **Brazil:** Công ty Cung ứng Quốc gia Brazil (Conab) cho biết, Brazil đã mua 263.370 tấn gạo với trị giá 250,5 triệu USD trong một cuộc đấu thầu nhập khẩu mới đây nhằm ngăn chặn khả năng giá tăng sau lũ lụt lịch sử ở bang sản xuất hàng đầu Rio Grande do Sul.

Khối lượng này thấp hơn dự kiến ban đầu là 300.000 tấn. Một quan chức của Conab cho biết sau khi cuộc đấu thầu kết thúc, khoảng 36.600 tấn sẽ được mua trong một cuộc đấu giá trong tương lai.

Conab cho biết gạo được mua với giá gần 5 Reais/kg và Chính phủ sẽ trợ giá doanh số bán lẻ ở mức 4 Reais/kg như đã thông báo. Đồng thời, Chính phủ có thể mua tới 1 triệu tấn gạo để ngăn chặn tình trạng đầu cơ giá sau khi lũ lụt nghiêm trọng làm chết người ở miền nam Brazil.

Dữ liệu của Cepea/Irga cho thấy, trong tháng 6, giá gạo trong ngành công nghiệp chế biến ở Rio Grande do Sul đã giảm 1% sau khi tăng hơn 10% trong tháng 5, theo *Reuters*.

3 Diễn biến giá

Trong tháng 5, chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) đạt 137,3 điểm, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 1**).

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 12/2023 đến tháng 5/2024

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)						Thay đổi của tháng 5/2024 so với (%)	
		12/2023	1/2024	2/2024	3/2024	4/2024	5/2024	4/2024	5/2023
Ấn Độ	Basmati	1.438	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	0,0	▼ 9,7
	Gạo đỏ 5% tấm	501	529	548	541	525	520	▼ 1,0	▲ 39,5
Pakistan	Basmati	956	1.017	974	959	959	907	▼ 5,4	▼ 33,9
	Trắng 25% tấm	527	554	542	534	521	532	▲ 2,2	▲ 5,9
	Trắng 5% tấm	580	622	611	591	574	583	▲ 1,5	▲ 9,1
Thái Lan	Trắng 100% tấm	658	675	646	630	606	642	▲ 5,9	▲ 22,4
	Trắng 25% tấm	609	621	600	587	564	593	▲ 5,2	▲ 19,8
	A1 Super	495	489	491	485	468	476	▲ 1,7	▲ 6,7
	Hom Mali	882	893	890	886	878	917	▲ 4,5	▲ 2,8
	Nếp 10% tấm	794	813	799	757	759	790	▲ 4,1	▲ 6,7
	Đỏ 100%	643	650	638	622	600	633	▲ 5,5	▲ 21,3
Việt Nam	Nếp 10% tấm	591	591	587	581	588	585	▼ 0,4	▲ 7,3
	Trắng 25% tấm	609	599	573	546	540	543	▲ 0,5	▲ 18,6
	Trắng 5% tấm	640	635	602	570	568	568	0,0	▲ 17,0
	Thơm 5% tấm	704	700	637	601	607	614	▲ 1,2	▲ 17,0
Campuchia	Thơm 5% tấm	840	871	877	890	909	929	▲ 2,2	▲ 25,3
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	1.025	1.025	1.025	970	965	965	0,0	▼ 42,6
	Calrose 4% tấm	728	732	764	793	780	782	▲ 0,3	▲ 9,5
Argentina	Trắng 5% tấm	769	809	802	747	707	784	▲ 10,9	▲ 28,2
Brazil	Trắng 5% tấm	894	920	868	736	755	784	▲ 3,8	▲ 23,1
Uruguay	Trắng 5% tấm	846	883	869	746	739	809	▲ 9,4	▲ 31,1

Trong đó, giá gạo trắng biến động trái chiều ở các nước xuất khẩu hàng đầu châu Á. Cụ thể, giá đã tăng 4-6% ở Thái Lan và khoảng 2% ở Pakistan, chủ yếu do tâm lý lạc quan sau khi Bulog Indonesia thông báo về một cuộc đấu thầu nhập khẩu gạo.

Với riêng Thái Lan, giá gạo còn được hỗ trợ bởi doanh số bán cho người mua Brazil và sự phục hồi của đồng Baht so với USD. Tuy nhiên, giá có sự điều chỉnh giảm vào cuối tháng khi đồng Baht mất đi khả năng phục hồi và việc đưa ra mức giá cao khiến Thái Lan không trúng thầu trong phiên mở thầu của Indonesia, còn Pakistan cũng trúng thầu khối lượng thấp.

Tại Ấn Độ, giá gạo đỏ đã giảm trong tháng thứ ba liên tiếp trong bối cảnh nhu cầu yếu và nguồn cung được bổ sung từ vụ Rabi.

Báo giá tại Việt Nam không thay đổi nhiều trong tháng 5, khi nhu cầu mới vẫn hạn chế, ngoại trừ Indonesia.

Trong khi đó, giá gạo tại khu vực Nam Mỹ bật tăng mạnh do mưa lũ gây thiệt hại mùa màng tại Brazil.

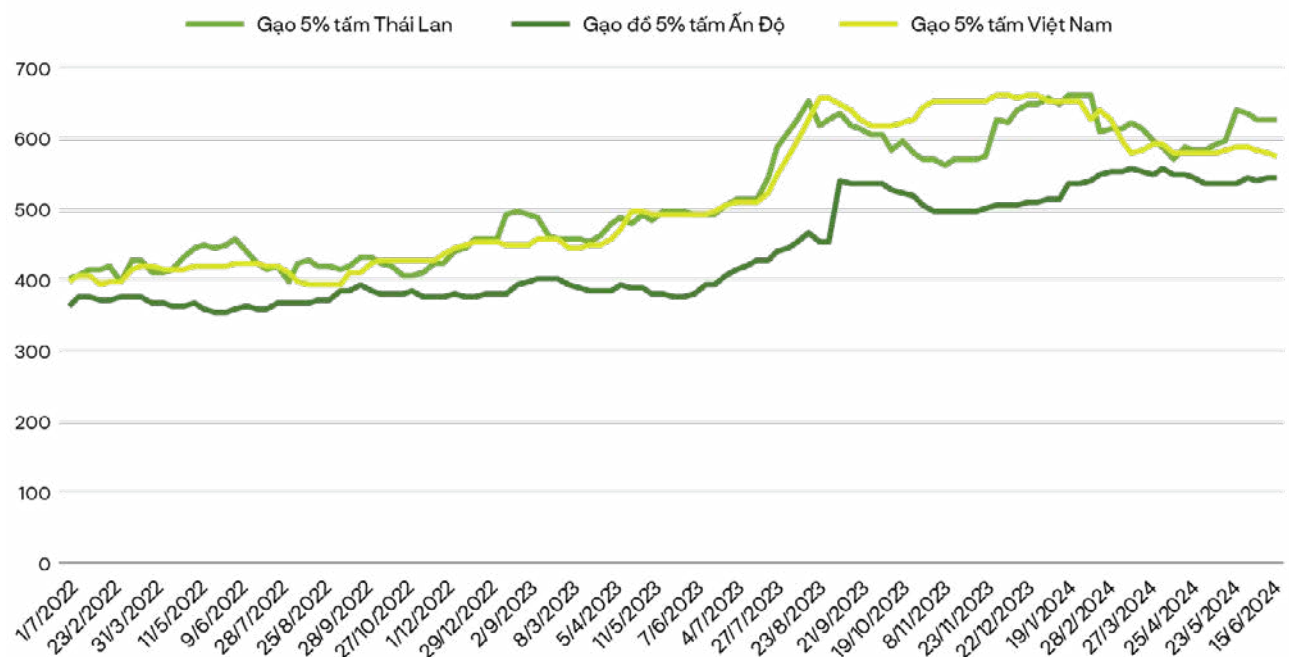
Trên thị trường thế giới, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ và Thái Lan có xu hướng tăng, trong khi giá gạo của Việt Nam lại giảm.

Tính đến ngày 15/6, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ dao động ở mức 539-546 USD/tấn, tăng 7 USD/tấn so với tháng trước. Nhu cầu từ người mua châu Phi đang tăng lên, trong khi sự mất giá của đồng Rupee cho phép các nhà xuất khẩu mua gạo từ thị trường nội địa với giá cao hơn trong bối cảnh nguồn cung giảm (**Biểu đồ 5**).

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm được báo giá ở mức 630 USD/tấn, tăng 30 USD/tấn so với tháng trước. Một thương nhân có trụ sở tại Bangkok cho biết nhu cầu tiếp tục đến từ các khách hàng ở Indonesia và Philippines, nguồn cung vụ mùa dự kiến sẽ được đưa vào thị trường trong tháng 7.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2022 đến ngày 15/6/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Ngược lại, giá gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 570-575 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tháng trước. Chủ yếu là do ảnh hưởng bởi chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch mới.

Với sự sụt giảm liên tiếp trong thời gian gần đây, giá gạo 5% tấm của Việt Nam đang thấp nhất trong số các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới, kém 55 USD/tấn so với gạo Thái và 10 USD/tấn so với Pakistan.

Trong phiên đấu thầu tháng 5 của Indonesia, mức giá trúng thầu của doanh nghiệp Việt Nam cũng thấp hơn 57 – 65 USD/tấn so với

giá trúng thầu của Pakistan và Myanmar. Đồng thời thấp hơn 22,5 - 24 USD/tấn so với giá xuất khẩu của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

Diễn biến này khá trái ngược so với năm ngoái khi giá gạo Việt Nam luôn dẫn đầu trong khu vực và có thời điểm cao hơn đến 90 USD/tấn so với gạo của Thái Lan.

Đang có những lo ngại về việc doanh nghiệp xuất khẩu bỏ giá thầu thấp, các khách hàng khác sẽ lấy đây là căn cứ để hạ giá gạo của Việt Nam. Các thị trường truyền thống có thể căn cứ vào giá bỏ thầu thấp để đưa ra mức giá thấp hơn ■

Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Tính đến hết tháng 5, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt kỷ lục 4,02 triệu tấn với trị giá thu về 2,56 tỷ USD, tăng 11,2% về lượng và tăng tới 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá gạo xuất khẩu vào trong nước lại đang có xu hướng giảm.

1 Sản xuất

Theo Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), tính đến ngày 6/6, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã xuống giống được 1,172 triệu ha/1,480 triệu ha diện tích kế hoạch vụ Hè Thu 2024, thu hoạch được khoảng 132 nghìn ha.

Diện tích sản xuất lúa năm 2024 của cả nước ước khoảng 7,09 triệu ha, năng suất trung

binh đạt 61,2 tạ/ha, tăng khoảng 0,2 tạ/ha so với năm 2023; sản lượng ước đạt 43,4 triệu tấn thóc, giảm khoảng 35 nghìn tấn so với năm 2023.

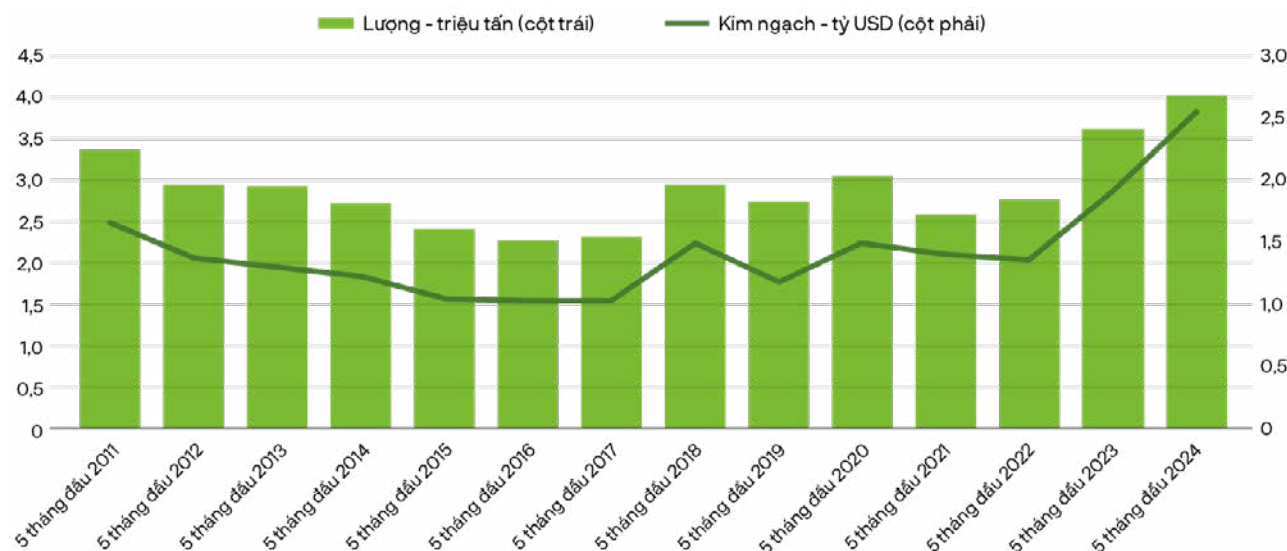
Nếu từ nay đến cuối năm, không có diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh thì sản xuất lúa năm 2024 đảm bảo kế hoạch đề ra về diện tích, năng suất, sản lượng; đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và đồng thời đảm bảo lượng gạo hàng hóa phục vụ xuất khẩu khoảng 7,6 triệu tấn.

2 Xuất khẩu

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến hết tháng 5, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt kỷ lục 4,02 triệu tấn với trị giá thu về 2,56 tỷ USD, tăng 11,2% về lượng và tăng tới 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 6**).

Biểu đồ 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm từ 2011 - 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Tính riêng trong tháng 5, xuất khẩu gạo đạt 856.197 tấn, trị giá 521,7 triệu USD, giảm 14,6% về lượng và 15,8% về trị giá so với tháng trước, nhưng tăng 18,2% về và 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực châu Á, dẫn đầu là Philippines, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc... Ngoài ra, các đơn hàng xuất khẩu sang khu vực châu Phi, châu Mỹ hay các thị trường khó tính ở châu Âu cũng đạt mức tăng trưởng khá ấn tượng (**Bảng 2**).

Trong đó, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất 5 tháng với khối lượng đạt 1,83 triệu tấn, trị giá 1,14 tỷ USD, tăng 19,6% về lượng và tăng 47,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm đến 45,5% về lượng và 44,6% về trị giá trong tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam (**Biểu đồ 7**).

Xuất khẩu gạo sang thị trường lớn thứ hai là Indonesia đạt 676.762 tấn, trị giá 424,1 triệu USD, tăng 83,4% về lượng và tăng 125% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 16,8% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam.

Như vậy, Philippines và Indonesia chiếm 63,2% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm.

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2023 và 2024

Đơn vị: % theo khối lượng.
 Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



	5 tháng đầu 2023 (Vòng trong)	5 tháng đầu 2024 (Vòng ngoài)
Philippines	42,3%	45,5%
Indonesia	10,2%	16,8%
Malaysia	5,1%	8,4%
Trung Quốc	17,5%	5,1%
Ghana	5,0%	4,9%
Thị trường khác	19,9%	19,3%

Ngoài ra, xuất khẩu gạo sang Malaysia trong 5 tháng đạt 337.963 tấn, tăng 82,5%; Ghana đạt 198.458 tấn, tăng 9,7%; Bờ Biển Ngà đạt 195.782 tấn, tăng 21,9%...

Tuy nhiên, lượng gạo xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh 67,8%, Hong Kong giảm 37,8%, Mỹ giảm 11,8%, Đài Loan giảm 63,6%...

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 5/2024 và 5 tháng đầu năm 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 5/2024		So với tháng 4/2023		So với tháng 5/2023		5 tháng đầu năm 2024		So với 5 tháng đầu năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	856.197	521.685	▼ 14,6	▼ 15,8	▲ 18,2	▲ 33,6	4.025.841	2.558.797	▲ 11,2	▲ 33,6
Philippines	342.338	206.092	▼ 28,5	▼ 28,1	▲ 39,2	▲ 64,5	1.832.056	1.141.702	▲ 19,6	▲ 47,9
Indonesia	128.180	75.791	▲ 24,1	▲ 19,8	▲ 105,0	▲ 134,8	676.762	424.105	▲ 83,4	▲ 133,9
Malaysia	135.577	79.324	▲ 31,0	▲ 28,4	▲ 442,2	▲ 530,9	337.963	202.649	▲ 82,5	▲ 125,0
Trung Quốc	34.552	19.705	▼ 60,4	▼ 61,6	▼ 72,6	▼ 72,6	203.413	119.143	▼ 67,8	▼ 67,3

Thị trường xuất khẩu	Tháng 5/2024		So với tháng 4/2023		So với tháng 5/2023		5 tháng đầu năm 2024		So với 5 tháng đầu năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Ghana	42.325	28.311	▼ 51,2	▼ 52,9	▼ 38,3	▼ 27,2	198.458	139.977	▲ 9,7	▲ 38,6
Bờ Biển Ngà	76.731	45.926	▲ 185,9	▲ 172,8	▲ 20,9	▲ 47,6	195.782	122.952	▲ 21,9	▲ 60,2
Singapore	14.711	9.742	▼ 20,9	▼ 18,1	▲ 2,3	▲ 16,4	80.378	52.189	▲ 63,6	▲ 85,5
Mozambique	13.319	8.732	▼ 18,1	▼ 20,1	▼ 8,6	▲ 7,7	52.992	36.458	▲ 48,1	▲ 83,4
UAE	4.808	3.350	▼ 20,9	▼ 24,1	▲ 27,3	▲ 37,8	25.721	18.859	▲ 26,1	▲ 48,7
Campuchia	5.522	3.569	▲ 44,9	▲ 47,1	▲ 32,8	▲ 34,8	24.637	16.033	▼ 1,9	▼ 0,1
Hong Kong	4.208	2.835	▼ 6,6	▼ 6,8	▼ 47,6	▼ 40,3	18.546	12.737	▼ 37,8	▼ 27,0
Saudi Arabia	5.213	3.793	▲ 2,5	▼ 1,1	▲ 84,3	▲ 113,9	17.864	13.457	▲ 39,3	▲ 63,0
Australia	2.253	1.895	▼ 25,7	▼ 18,2	▲ 8,6	▲ 26,4	12.637	9.972	▲ 9,9	▲ 20,0
Mỹ	3.043	2.562	▲ 65,9	▲ 62,2	▲ 12,0	▲ 36,8	11.838	10.284	▼ 11,8	▲ 4,9
Đài Loan	2.154	1.357	▼ 22,7	▼ 21,9	▼ 60,8	▼ 57,5	7.611	4.868	▼ 63,6	▼ 56,8
Hà Lan	1.064	868	▼ 17,6	▼ 19,4	▲ 20,9	▲ 36,3	5.986	5.132	▼ 5,4	▲ 19,4
Tanzania		0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	5.455	3.992	▼ 50,2	▼ 43,2
Ba Lan	776	581	▼ 39,5	▼ 41,5	▼ 67,0	▼ 59,1	4.959	3.727	▼ 1,5	▲ 16,5
Nga	197	158	▼ 81,4	▼ 79,1	▼ 85,5	▼ 78,6	3.778	2.828	▲ 54,4	▲ 97,9
Nam Phi	979	737	▲ 34,3	▲ 43,2	▲ 70,3	▲ 73,6	3.698	2.706	▼ 8,4	▲ 5,4
Pháp	785	631	▲ 38,7	▲ 44,8	▲ 166,1	▲ 214,0	2.463	1.968	▲ 76,9	▲ 95,3
Senegal		0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	1.419	1.025	▼ 88,0	▼ 79,3
Tây Ban Nha	144	127	▼ 58,0	▼ 51,9	▼ 87,8	▼ 85,8	858	682	▼ 65,2	▼ 62,0
Angola		0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	602	467	▲ 21,4	▲ 88,5
Thổ Nhĩ Kỳ	102	94	▼ 20,9	▼ 6,1	▼ 95,0	▼ 93,1	377	313	▼ 94,0	▼ 92,2
Ukraine	93	82	▲ 20,8	▲ 41,7	▲ 19,2	▲ 87,5	341	289	▲ 55,7	▲ 86,8
Bỉ							275	142	▼ 89,4	▼ 89,3
Bangladesh	108	73			▼ 49,3	▼ 51,0	237	170	▼ 29,9	▼ 36,3
Iraq	24	24					127	106	▲ 27,0	▲ 103,6
Chile	93	62			▼ 91,1	▼ 86,9	93	62	▼ 98,5	▼ 97,8
Brunei	22	20					65	62	▼ 75,0	▼ 50,3
Thị trường khác	36.876	25.244	▼ 17,5	▼ 18,1	▼ 29,2	▼ 20,5	298.450	209.740	▼ 6,9	▲ 28,5

3 Diễn biến giá

Trong tháng 5, giá xuất khẩu gạo đạt bình quân 609 USD/tấn, giảm 1,5% so với tháng trước

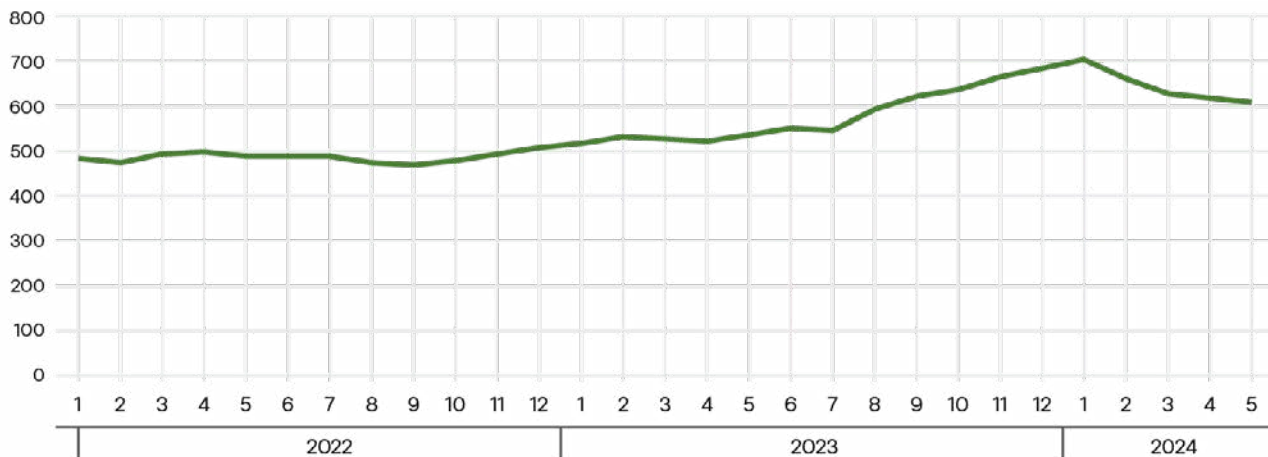
nhưng tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Bình quân 5 tháng đầu năm giá xuất khẩu đạt 636 USD/tấn, tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 8**).

Tại thị trường trong nước, giá lúa gạo đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 8/2023. Theo đó, giá lúa đã giảm hơn 900 đồng/kg

so với tháng trước, xuống còn 7.089 – 8.575 đồng/kg vào ngày 6/6 (**Bảng 3**).

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 6/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 6/6/2024	So sánh tăng/giảm			
		So với 1 tháng trước		So với 1 năm trước	
	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg
Lúa thường tại ruộng	7.089	▼ 11,5	▼ 925	▲ 10,9	▲ 696
Lúa thường tại kho	8.575	▼ 10,0	▼ 954	▲ 10,9	▲ 842
Lứt loại 1	11.392	▼ 5,5	▼ 658	▲ 14,9	▲ 1.479
Xát trắng loại 1	13.740	▼ 6,2	▼ 910	▲ 22,0	▲ 2.477
5% tấm	13.521	▼ 6,1	▼ 886	▲ 20,9	▲ 2.342
15% tấm	13.292	▼ 6,4	▼ 908	▲ 21,3	▲ 2.334
25% tấm	12.917	▼ 6,6	▼ 916	▲ 20,5	▲ 2.200
Tấm 1/2	10.500	▼ 2,7	▼ 293	▲ 11,9	▲ 1.118
Cám xát/lau	7.192	▲ 19,7	▲ 1.185	▼ 3,6	▼ 269

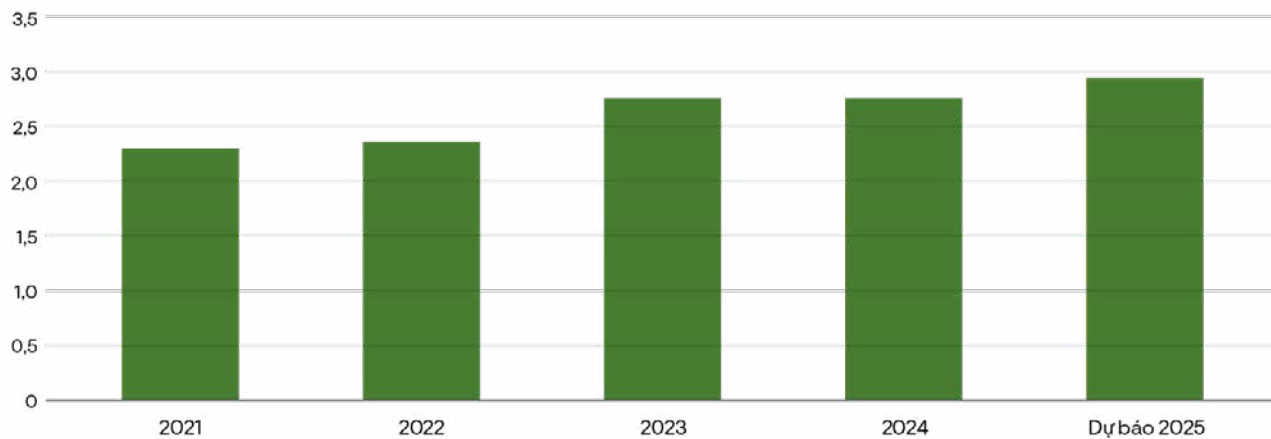
4 Tình hình nhập khẩu

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba nhưng đồng thời cũng là nhà nhập khẩu lớn thứ hai toàn cầu.

Theo dự báo của USDA, lượng gạo nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2024 không thay đổi so với mức gần 2,75 triệu tấn của năm trước. Tuy nhiên, con số này dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 2,95 triệu tấn vào năm 2025. Phần lớn trong số đó được nhập khẩu từ Campuchia và Ấn Độ (**Biểu đồ 9**) ■

Biểu đồ 9: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ năm 2021 – 2023 và dự báo 2024 – 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Phần III: DỰ BÁO



Chúng tôi cho rằng xuất khẩu gạo của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực do nhu cầu từ các thị trường lớn vẫn ở mức cao.

Mới đây, Chính phủ Philippines đã thông qua việc giảm thuế nhập khẩu gạo từ 35% xuống còn 15% đối với cả gạo trong và ngoài hạn ngạch cho đến năm 2028. Quyết định trên nhằm mục đích hạ giá gạo và giúp gạo có giá cả phải chăng hơn đối với đại đa số người dân, nhất là dân nghèo ở Philippines.

Mức thuế này cũng hỗ trợ các nhà nhập khẩu có thể mua nhiều gạo hơn về từ thị trường thế giới. Đây là cơ hội cho các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, bao gồm Việt Nam – nước xuất khẩu gạo lớn nhất vào Philippines, chiếm tới 80% thị phần vào năm ngoái.

Bên cạnh đó, giá gạo của Việt Nam cũng đang có xu hướng giảm và khá cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Hiện gạo trắng 5% tấm đang được bán với giá 570 USD/tấn, trong khi sản phẩm cùng loại của Thái Lan và Pakistan dao động ở mức 618 USD/tấn và 583 USD/tấn.

Còn tại Indonesia, Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia cho biết, sản lượng gạo tháng 6 và tháng 7 của nước này dự kiến đạt 2,01 và 2,15 triệu tấn, giảm so với 2,79 triệu tấn và 2,48 triệu tấn của cùng kỳ năm ngoái.

Từ tháng 1 đến tháng 7, sản lượng mặt hàng chủ lực này của Indonesia đạt 18,6 triệu tấn, giảm 13,3% so với cùng kỳ. Trong khi đó, mức tiêu thụ đạt 18 triệu tấn.

Hiện tượng thời tiết El Nino năm ngoái đã làm lượng mưa giảm, khiến vụ mùa mới bị chậm trễ và sản lượng giảm sút.

Tính đến tháng 4, Bulog đã nhập khẩu 1,2 triệu tấn gạo trong số 3,6 triệu tấn trong hạn ngạch nhập khẩu được phân bổ trong năm nay.

Tại cuộc họp về xuất khẩu gạo, rau quả giữa Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Hiệp hội chiều ngày 28/5, ông Nguyễn Ngọc Nam, Chủ tịch VFA, cho biết trong 5 tháng đầu năm, giá gạo trong nước tăng hơn so với cùng kỳ, đảm bảo hiệu quả bà con nông dân, người trồng lúa.

Đại diện của VFA dự báo xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2024 sẽ khởi sắc khi các thị trường lớn tăng khối lượng nhập khẩu. Các nước đang nghe ngóng xem Ấn Độ có dỡ bỏ hạn chế xuất khẩu cấm xuất khẩu gạo do El Nino, khả năng đến tháng 9 chưa dỡ bỏ, đây là cơ hội cho Việt Nam.

Dù vậy, ông cũng nêu một số vấn đề tồn tại, như việc doanh nghiệp nợ tiền lúa nông dân, hay việc doanh nghiệp xuất khẩu gạo cạnh tranh không lành mạnh về giá. Đồng thời đề nghị Liên bộ và Hiệp hội chỉ đạo rất ráo xử lý vấn đề này. Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc Nam đề xuất áp dụng giá sàn trong xuất khẩu gạo ■

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

CTCP Tập đoàn Lộc Trời cho biết đã trúng thầu 100.000 tấn gạo cho Indonesia. Lộc Trời cho rằng mức giá của đơn hàng phản ánh tình hình thị trường lúa gạo hiện tại, đúng phẩm cấp chất lượng gạo theo yêu cầu, có tính thời điểm và không làm ảnh hưởng tới các đợt đấu thầu tiếp theo cũng như giá xuất khẩu.



**CTCP Tập đoàn Lộc Trời
(Mã: LTG):**

LTG vừa cập nhật tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024. Năm nay, công ty đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế 50 tỷ đồng, gấp 3,1 lần so với cùng kỳ, nhưng thấp hơn nhiều so với mức lãi hàng trăm tỷ đồng các năm trước đó.

Một điểm mới trong tài liệu là công ty đề ra mục tiêu cổ tức giai đoạn 2024 – 2025. Theo đó, tổng giá trị chi trả cổ tức là 30% lợi nhuận sau thuế mỗi năm bằng hình thức cổ phiếu. Như vậy, công ty sẽ không chia tiền mặt đến hết năm 2025 (lần trả cổ tức tiền mặt gần nhất là vào tháng 10/2022 đối với phần cổ tức của năm 2021).

Mới đây, Lộc Trời cho biết đã trúng thầu 100.000 tấn gạo cung ứng cho Cơ quan Hậu cần Nhà nước Indonesia (Perum Bulog), trên tổng số 300.000 tấn mà Bulog đấu thầu vào đợt này.

Trong đó, công ty mẹ Lộc Trời trúng thầu 60.000 tấn và là lần trúng thầu thứ 6 tính từ tháng 8/2023 đến nay. Công ty thành viên là Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài cũng có lần đầu tiên trúng thầu với sản lượng 40.000 tấn gạo xuất sang Indonesia.

Toàn bộ đơn hàng sẽ được giao trong 2 tháng, hình thức thanh toán thông qua tín dụng thư (LC). Lộc Trời và công ty thành viên sẽ thu về trên 55 triệu USD (tương đương trên 1.300 tỷ đồng) khi hoàn tất.

Lộc Trời cho rằng mức giá của đơn hàng trên phản ánh tình hình thị trường lúa gạo hiện tại, đúng phẩm cấp chất lượng gạo theo yêu cầu, có tính thời điểm và không làm ảnh hưởng tới các đợt đấu thầu tiếp theo cũng như giá xuất khẩu.



**CTCP Nông nghiệp
công nghệ cao Trung An
(Mã: TAR):**
TRUNG AN

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã chấp thuận cho hơn 78,3 triệu cổ phiếu TAR được giao dịch trên sàn UPCoM. Ngày giao dịch đầu tiên là 31/05/2024, giá 6,100 đồng/cổ phiếu.

Trước đó, HNX ra quyết định hủy bỏ niêm yết đối với cổ phiếu TAR từ ngày 21/05. Nguyên nhân do Công ty bị tổ chức kiểm toán từ chối cho ý kiến đối với BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, thuộc trường hợp hủy niêm yết bắt buộc theo quy định.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán là TAR đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về đợt phát hành riêng lẻ năm 2021 và vấn đề hàng tồn kho trị giá 1,256 tỷ đồng.

Về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, trong quý I/2024, doanh thu thuần của Trung An đạt 715 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi trừ các chi phí, Trung An báo lãi sau thuế 2,7 tỷ đồng, giảm mạnh 67% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2024, Trung An đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.100 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 31 tỷ đồng. Như vậy kết thúc quý I, Gạo Trung An đã thực hiện được 23% chỉ tiêu doanh thu và khoảng 9% kế hoạch lợi nhuận.



CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex Mã: AGM):

Ngày 27/5, Angimex thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex (AGM Agritech) theo 3 giai đoạn.

Giai đoạn 1, Angimex và AGM Agritech thực hiện giao dịch mua bán tài sản. Trong đó, Angimex thực hiện mua 4 Drone của AGM Agritech gồm 3 thiết bị XGA P40 và 1 thiết bị DJI T30.

Giai đoạn 2, Angimex chuyển nhượng 100% vốn của Angimex tại AGM Agritech cho đối tác.

Giai đoạn cuối cùng, Angimex thực hiện bán nhà kho và máy móc thiết bị tại Phân xưởng Cống Vong cho AGM Agritech, đồng thời cho AGM Agritech thuê lại đất tại phân xưởng Cống Vong.

Về kết quả kinh doanh, trong quý I/2024, Angimex tiếp tục lỗ thêm 14,94 tỷ đồng so mức lỗ 16,37 tỷ đồng của cùng kỳ, nâng tổng lỗ lũy kế tại thời điểm 31/3 lên tới 175,1 tỷ đồng, bằng 96,2% vốn điều lệ.



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (Vinaseed; HoSE: SSC):

SSC mới đây thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 28/06/2024.

Với tỷ lệ thực hiện 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng) và hơn 13 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính SSC cần chi gần 27 tỷ đồng chia cổ tức cho cổ đông. Ngày thanh toán dự kiến 31/07/2024.

Năm 2024, Công ty đặt mục tiêu doanh thu thuần hơn 395 tỷ đồng, tăng 31% so với năm trước. Tuy nhiên, lãi sau thuế dự kiến chỉ đạt 57 tỷ đồng, tăng nhẹ 5%.

Trong quý đầu năm 2024, SSC ghi nhận doanh thu thuần gần 69 tỷ đồng, tăng 32% so với quý 1/2023. Trong khi đó, giá vốn chỉ tăng 23%, giúp Công ty lãi gộp 20 tỷ đồng, tăng 60%.

Nhờ đó, SSC thu về lãi ròng gần 7 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ, dù phát sinh mới chi phí lãi vay gần 200 triệu đồng và chi phí quản lý tăng 93% lên gần 8 tỷ đồng (do tăng mạnh chi phí nhân viên và các chi phí bằng tiền khác).

So với kế hoạch năm, SSC thực hiện được 18% chỉ tiêu doanh thu và 12% mục tiêu lợi nhuận sau thuế sau quý đầu tiên ■

Phần V: CHÍNH SÁCH



Xuất cấp gạo cho 3 địa phương dịp giáp hạt năm 2024

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương dịp giáp hạt năm 2024.

Cụ thể, Phó Thủ tướng giao Bộ Tài chính xuất cấp không thu tiền 1.832,655 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho 3 tỉnh: Cao Bằng (845,175 tấn gạo), Lai Châu (429,72 tấn gạo), An Giang (557,76 tấn gạo) để hỗ trợ Nhân dân dịp giáp hạt năm 2024.

Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử lý cụ thể theo quy định; theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm về căn cứ, thông tin, số liệu báo cáo đề xuất.

Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh: Cao Bằng, Lai Châu, An Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo và thực hiện hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, đúng định mức theo quy định.

Brazil tạm dừng áp thuế nhập khẩu gạo

Ngày 21/5, Brazil đã tạm dừng áp dụng thuế nhập khẩu đối với ba loại gạo sau những trận lũ lụt kinh hoàng ở bang Rio Grande do Sul, khu vực sản xuất gạo hàng đầu của quốc gia Nam Mỹ này.

Nhiều cánh đồng lúa ở khu vực này, nơi sản xuất tới 70% sản lượng gạo của Brazil, đã bị nước nhấn chìm trong ba tuần qua do những trận lũ lụt. Chính quyền Tổng thống Luiz Inacio Lula da Silva cho biết việc miễn thuế, có hiệu lực đến ngày 31/12 tới, nhằm đảm bảo người tiêu dùng không phải đối mặt với tình trạng giá mặt hàng lương thực thiết yếu này tăng vọt.

Trong một thông báo, Phó Tổng thống kiêm Bộ trưởng Thương mại Geraldo Alckmin cho hay với việc giảm thuế xuống mức 0%, Brazil có thể tránh được tình trạng thiếu hụt và giá cả leo thang do nguồn cung giảm.

Trước đây, chỉ các quốc gia thành viên khối thương mại Mercosur, trong đó có Argentina, Paraguay và Uruguay, mới được miễn thuế khi bán gạo cho Brazil. Tuy nhiên, trang tin G1 ngày 20/5 dẫn lời Bộ trưởng Nông nghiệp Carlos Favaro cho biết các nhà xuất khẩu trong Mercosur đã tìm cách tăng giá gạo bán cho Brazil tới 30% sau những trận lũ lụt.

Chính phủ cho biết việc miễn thuế sẽ thúc đẩy các nhà sản xuất khác, chẳng hạn như Thái Lan, hiện đang cung cấp 18,2% lượng gạo nhập khẩu của Brazil, với giá bán cạnh tranh hơn.

Trong khi đó, các hiệp hội đại diện cho người trồng lúa gạo ở Rio Grande do Sul đã có động thái trấn an khi cho biết hơn 84% vụ mùa của năm nay đã được thu hoạch trước khi lũ lụt xảy ra ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 5/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 2/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý I/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 4/2024

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP